

PHIẾU ĐIỀU TRA PHƯƠNG PHÁP HỌC KỸ NĂNG ĐỌC CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

Cuộc điều tra phương pháp phát triển kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành điện tử viễn thông là một phần quan trọng trong đề tài nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy kỹ năng đọc tiếng Anh chuyên ngành do thầy Kim Văn Tất- chủ nhiệm khoa ngoại ngữ chuyên ngành làm chủ đề tài.

Mong các bạn sinh viên tham gia nhiệt tình và trả lời chân thật những câu hỏi sau đây. Rất cảm ơn sự cộng tác của các bạn!

I. Đối tượng sinh viên:

1. How long have you been learning English?
Bạn đã học tiếng Anh được bao nhiêu năm?
2. Do you think English is necessary for your future job?
Bạn có nghĩ rằng tiếng Anh là cần thiết cho công việc sau này của bạn không?
 - A. Yes
 - B. No
3. What is your purpose in learning English? (Please choose only one)
(Mục đích của bạn khi học môn tiếng Anh?) (Bạn hãy chọn một mà thôi.)
 - A. I'm forced to do so (Đó là môn học bắt buộc.)
 - B. I want to pass the exam with high marks. (Tôi muốn thi đạt điểm cao.)
 - C. I want to be able to read materials in English. (Tôi muốn đọc các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành)
 - D. I want to be able to communicate in English about electronics.
(Tôi muốn giao tiếp bằng tiếng Anh về điện tử viễn thông.)
 - E. Other:
4. How many hours per week do you spend on learning English?
(Một tuần bạn dành bao nhiêu thời gian để học tiếng Anh?)
 - A. Less than 3 hours. (Chưa đến ba tiếng)
 - B. From 3 hours to 6 hours (Từ ba đến sáu tiếng)
 - C. More than 6 hours. (Trên sáu tiếng.)
5. How often do you prepare the lesson before going to class?
(Bạn có thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp không?)
 - A. Always (luôn luôn)
 - B. Often (thường xuyên)
 - C. Sometimes (đôi khi)
 - D. Rarely (hiếm khi)
6. How often do you contribute ideas in class?
(Bạn có thường xuyên phát biểu ý kiến xây dựng bài?)
 - A. I often volunteer. (Tôi thường xuyên xung phong)
 - B. Only when the teacher calls me. (Chỉ khi nào giáo viên gọi)
 - C. "I don't know." is my usual answer. (Tôi thường xuyên trả lời "em không làm được.")

II. Đối tượng giáo viên:

7. How do you judge your teacher's responsibility?

(Bạn đánh giá thế nào về tinh thần trách nhiệm của giáo viên của bạn ?)

- A. high (cao)
- B. reasonable (vừa phải)
- C. not quite as expected (không như mong đợi)

8. According to you, a teacher of ESP teaches you English or specialized knowledge?

(Theo bạn thì nhiệm vụ của giáo viên chuyên ngành là dạy tiếng Anh hay kiến thức chuyên ngành?)

- A. English is major (tiếng Anh là chính)
- B. Specialized knowledge is major (kiến thức chuyên ngành là chính)

III. Một giờ học tiếng Anh thành công

9. Are your English lessons interesting?

(Giờ học tiếng Anh của các bạn có sôi nổi không?)

- A. Yes
- B. No

10. If you answer "yes" can you tell us what make them interesting?

- A. The teacher organises a lot of interesting activities (Giáo viên tổ chức nhiều hoạt động hấp dẫn)
- B. The teacher gives you a lot of exercises to do. (Giáo viên cho làm nhiều bài tập)
- C. The students are eager to learn new things. (Sinh viên hào hứng học những kiến thức mới.)
- D. The students are able to talk in English a lot. (Sinh viên có nhiều cơ hội nói tiếng Anh.)
- E. Other:

11. If your answer to Q9 is "No" can you tell us the reasons?

- A. The lessons are too difficult or too easy. (Bài học quá dễ hoặc quá khó)
- B. The teacher is unable to explain difficult questions **about English** to you.
(Giáo viên không giải đáp được những thắc mắc **về tiếng Anh** của bạn.)
- C. Some of the students do not have the right attitude towards this subject.
(Một số sinh viên chưa có thái độ đúng đắn về môn học này)
- D. Doing the exercises is the only task in your class. (Bạn chỉ có mỗi một việc là làm bài tập.)
- D. Other:

12. In order to have good lesson of ESP, which factors are needed?

(Theo bạn để có một giờ học tiếng Anh chuyên ngành thành công thì cần phải có những yếu tố gì?)

- A. Careful preparation of both the teacher and the students. (Có sự chuẩn bị kỹ càng của cả giáo viên và sinh viên)
- B. Students' participation in the class. (Có sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong lớp học.)
- C. More activities involving learning English. (Có nhiều hoạt động liên quan đến việc học tiếng Anh.)
- D. More creative activities. (Có nhiều các hoạt động mang tính sáng tạo ví dụ như tìm hiểu các loại pin đang có bán trên thị trường.....)
- E. Application of modern technology in teaching. (Có sự ứng dụng các thiết bị kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy)
- F. More exercises to do. (Nhiều bài tập làm thêm.)
- G. More assignments to do at home. (Nhiều bài tập lớn để làm ở nhà ví dụ như lên mạng tìm một bài phù hợp với chủ đề bài học để dịch và tóm tắt)

- H. Right attitude towards learning English. (Có thái độ học tập đúng đắn)
- I. More new words of the learnt field. (Cung cấp nhiều hơn các từ chuyên ngành).
- J. The integration of the four skills: listening, speaking, reading, and writing. (Có sự kết hợp cả bốn kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết)
- K. More guidance of effective reading skills. (Hướng dẫn nhiều hơn về phương pháp học đọc hiệu quả.)
- Other (ý kiến khác) :

IV. Phương pháp học kỹ năng đọc hiểu quả:

Hãy đánh dấu tick vào trước những câu bạn trả lời đúng.

- ☐ 13. Trước khi bắt đầu đọc em có đoán xem bài đọc sẽ về vấn đề gì?
- ☐ 14. Giáo viên có hướng dẫn các em thảo luận để tìm hiểu nội dung bài đọc?
- ☐ 15. Em có bao giờ tự hỏi mình đọc bài này nhằm mục đích gì?
- ☐ 16. Em có áp dụng những phương pháp đọc khác nhau cho từng bài đọc cụ thể?
- ☐ 17. Trong khi đọc em có đọc to kết hợp với luyện âm?
- ☐ 18. Em luôn đọc bằng mắt chứ không đọc bằng mồm?
- ☐ 19. Em có từ điển tiếng Anh chuyên ngành?
- ☐ 20. Em không thấy lo lắng khi em không hiểu một số từ mới trong bài đọc?
- ☐ 21. Khi gặp từ mới em luôn phải dừng lại để tra từ điển hoặc hỏi giáo viên?
- ☐ 22. Em có thể đoán nghĩa của từ mới dựa vào nội dung của bài?
- ☐ 23. Em luôn cố gắng hiểu trực tiếp bằng tiếng Anh trong khi đọc?
- ☐ 24. Em phải cần dịch bài sang tiếng Việt thì mới hiểu được?
- ☐ 25. Em luôn mạnh dạn hỏi giáo viên/ các bạn những gì em không hiểu trong bài?
- ☐ 26. Em luôn có một quyển sổ từ bên cạnh để ghi chép từ và cấu trúc mới?
- ☐ 27. Em có cố gắng tìm hiểu những cấu trúc khó trong bài?
- ☐ 28. Em luôn làm đúng các bài tập trong sách mà không cần sự hướng dẫn của giáo viên?
- ☐ 29. Em thấy các bài đọc và bài tập ở trong sách là bổ ích?
- ☐ 30. Sau khi đọc em cố gắng tổng kết nội dung bài đọc bằng cách viết tóm tắt hay vẽ sơ đồ.
- ☐ 31. Ngoài những bài học trên lớp em còn đọc thêm các tài liệu về tiếng Anh chuyên ngành để tự nâng cao vốn hiểu biết.

Thank you very much for your co-operation!

(Một lần nữa cảm ơn sự cộng tác của các bạn!)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hutchinson, T. & Waters, A., *English for Specific Purposes*, Cambridge University Press, 1987
2. Grellet, F., *Developing Reading Skills*, Cambridge University Press, 1988
3. <http://www.esp-world.info>
4. <http://www.teslj.org>